

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày 05/6/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung, ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Sơn Tùng là Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 28/02/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 208/TB-TA ngày 08/4/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo: Nguyễn Văn N, sinh năm 1973; nơi sinh tại tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú tại Thôn 6, xã Mađaguôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nam; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp, tôn giáo, tiền sự: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và con bà Ninh Thị M (đã chết); vợ: Lê Thị S, sinh năm 1972; có 05 người con (con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án: Ngày 04/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng kết án 06 tháng 18 ngày tù, về tội “Đánh bạc”; hiện nay bị cáo đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam Đại Bình thuộc huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng theo bản án số 212/2018/HSST ngày 22/11/2018 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh kết án về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt là 02 năm 09 tháng tù.

- Bị hại: Lê Thanh T, sinh năm 2001 (nơi cư trú tại ấp 3, xã Phú An, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1976 (nơi cư trú tại ấp 3, xã Phú An, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

2. Bà Hoàng Thị Thủy T, sinh năm 1970 (nơi cư trú tại phố 2, ấp 3, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai).

3. Ông Phạm Bá L, sinh năm 1980 (nơi cư trú tại ấp Thanh Thọ, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

4. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975 (nơi cư trú tại ấp Phú Yên, xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

5. Ông Phùng Kế L, sinh năm 1984 (nơi cư trú tại ấp Thanh Thọ, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 5 năm 2017, bị cáo thuê nhà ở trọ tại xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và quen biết bị hại Lê Thanh T vì cùng thuê phòng trọ của bà Vũ Ngọc D. Ngày 03 tháng 5 năm 2017 bị cáo mượn xe mô tô biển số 60AC-03317 của bị hại đi công việc, hẹn trong ngày trả lại xe. Sau khi mượn được xe thì bị cáo điều khiển xe đi mượn tiền của người khác để sử dụng nhưng không mượn được tiền nên nảy sinh ý định cầm cố xe của bị hại nên bị cáo đến tiệm cầm đồ ST của ông Nguyễn Văn S cầm cố xe được 6.000.000 đồng rồi đi khỏi địa phương. Bị hại không thấy bị cáo trả lại xe đã gọi điện thoại tìm bị cáo thì bị cáo hẹn ngày hôm sau trả xe.

Đến ngày 13 tháng 5 năm 2019, ông Lê Thanh H là cha của bị hại nhìn thấy xe mô tô biển số 60AC-03317 đang gửi tại Bệnh viện huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên ông trình báo đến Công an.

Kết luận định giá tài sản số: 37/KL.HĐĐGTS ngày 03/6/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, kết luận: 01 xe mô tô biển số 60AC-03317, nhãn hiệu SYM Elegant, màu xanh – đen – trắng, số máy MSE1AD001611, số khung 05MDGD001611 đã qua sử dụng, giá trị còn lại 6.500.000đ (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 21/CT-VKSTP-ĐN ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quyết định truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội như sau:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. So sánh pháp luật theo Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội này không có lợi cho bị cáo nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo nguy hiểm trong xã hội cần có hình phạt tương xứng nghiêm khắc. Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, xử phạt Nguyễn Văn N 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù và tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định của pháp luật.

+ Đối với ông Nguyễn Văn S không biết xe cầm cố là tài sản phạm tội mà có nên không xử lý hình sự.

+ Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 60AC-03317 là tài sản hợp pháp của bị hại nên Công an huyện Tân Phú đã trả bị hại là đúng pháp luật.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

- Bị cáo trình bày ý kiến: Cáo trạng nêu hành vi phạm tội của bị cáo là đúng, bị cáo không có ý kiến đối với nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hoạt động tiến hành tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đến nay, người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại. Hoạt động tiến hành tố tụng của Công an huyện Tân Phú và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phù hợp pháp luật.

Bị hại, các đương sự trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, có thể công bố lời khai của người tham gia tố tụng để tranh tụng nên không ảnh hưởng hoạt động xét xử. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này là phù hợp quy định tại các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

Ý kiến trình bày của bị cáo tại phiên tòa là trong tháng 5 năm 2017 bị cáo có cầm cố tài sản của bị hại khi chưa hỏi ý kiến của bị hại. Ý kiến, lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, các đương sự trong vụ án và tài liệu, chứng cứ khác đã được Hội đồng xét xử kiểm tra tại phiên tòa. Đây là chứng cứ chứng minh bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Vì vậy, Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của luật.

- Xét tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để nhận biết được hành vi mượn tài sản của bị hại để sử dụng trong công việc nhưng lại cầm cố tài sản của bị hại là hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác, vi phạm quy định của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã từng bị kết án nhiều lần nhưng không sửa chữa lỗi lầm, vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Bị cáo không tích cực lao động để làm những việc hợp pháp để trở thành người công dân tốt trong xã hội, bị cáo tiếp tục thực hiện tội phạm gây ra thiệt hại đối với bị hại và người khác làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

Ngày 04 tháng 8 năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng kết án bị cáo 06 tháng 18 ngày tù, phạt bổ sung 3.000.000 đồng, về tội “đánh bạc”. Đến nay, bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm, cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, góp phần phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật của mọi người trong xã hội.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 là không phù hợp với Điều 7 của Bộ luật Hình năm 2015. Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến đề nghị này của Kiểm sát viên.

Đến nay, bị cáo đang phải chấp hành hình phạt tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 212/2018/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với ông Nguyễn Văn S không biết xe bị cáo trộm cắp được để cầm cố với ông nên Viện kiểm sát không đề nghị xử lý hình sự đối với ông S là đúng quy định pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án được giải quyết như sau:

Xe mô tô nêu trên là tài sản của bị hại. Công an huyện Tân Phú đã quyết định trả lại tài sản đối với bị hại là đúng quy định tại khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đến nay, bị hại và đương sự trong vụ án không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo cầm cố xe với ông Nguyễn Văn S được 6.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính liên quan đến hành vi thực hiện tội phạm, cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4]. Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Kiểm sát viên đã so sánh, phân tích các quy định của các Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, xử phạt tù đối với bị cáo là phù hợp chứng cứ vụ án, theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, áp dụng luật có lợi đối với bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 2, điểm b khoản 3

Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, xử phạt Nguyễn Văn Ngọc 01 (một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án số 212/2018/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã kết án Nguyễn Văn N 02 năm 09 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và hình phạt của bản án này. Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 4 năm 2018.

- Bị cáo phải nộp tiền thu lợi bất chính vào ngân sách nhà nước là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

- Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
 - Công an huyện Tân Phú (2);
 - VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2);
 - Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
 - UBND nơi cư trú của bị cáo
- {để thay thông báo kết quả xét xử};*
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Thahs, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính